

Số: 341/BC-STP

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Ngày 18/11/2022, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 2268/SNN-PTNT ngày 17/10/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 (*sau đây gọi chung là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*);

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung năm 2020)*);

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 5668/BNN-KTHT ngày 29/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ (*sau đây viết tắt là Văn bản số 5668/BNN-KTHT*);

- Văn bản số 598/HĐNDDT về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

- Văn bản số 2313/UBND-ĐTXD ngày 21/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3670/UBND-ĐTXD ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 4772/UBND-TH về việc chuẩn bị tài liệu phiên họp thường kỳ tháng 11/2022;

- Một số văn bản, tài liệu có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 18/5/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 590/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 590/QĐ-TTg*), tại điểm d khoản 7 phần VI quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương “*Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải*

pháp của Chương trình tại địa phương”, đồng thời tại khoản 1 phần IV Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định:

"1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Chương trình:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình".

Ngày 29/8/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành Văn bản số 5668/BNN-KTHT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tại khoản 1 phần III Văn bản số 5668/BNN-KTHT nêu ***"Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình tại địa phương..."***.

Từ các quy định nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 là cần thiết.

2. Dự thảo Nghị quyết

2.1. Về căn cứ ban hành

- Đề nghị bổ sung căn cứ ban hành là các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ ban hành Nghị quyết như: Bổ sung *"Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017"* vào cuối căn cứ thứ nhất (*Luật Tổ chức chính quyền địa phương*), bổ sung căn cứ *"khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020"* vào cuối căn cứ thứ ba (*Luật Ngân sách nhà nước*).

- Đề nghị bỏ căn cứ ban hành *"Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017"* vì không quy định nội dung chính của dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị bỏ *"Quyết định số 1719/QĐ-TTG ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025"*, vì tại khoản 3 Mục I Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định: ***"Phạm vi và đối tượng của Chương trình không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTG ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ"***.

2.2. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh)

Dự thảo quy định phạm vi điều chỉnh như sau “*Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*”, chưa thống nhất với tên gọi dự thảo Nghị quyết “*Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*” và Quyết định số 590/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình *Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030*. Ngoài ra, Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định phạm vi và đối tượng của Chương trình *không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTG ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ*, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết đảm bảo thống nhất và phù hợp với quy định tại Quyết định số 590/QĐ-TTg.

2.3. Điều 2 (Đối tượng áp dụng)

- Khoản 1 quy định “*Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt...*”, đề nghị bổ sung cụm từ “*tái định cư tập trung*” vào sau cụm từ “*... theo hình thức*” cho đầy đủ và phù hợp với khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg.

- Điểm c khoản 1 quy định đối tượng áp dụng là “*Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn*”, là chưa phù hợp, phạm vi quá rộng, không khả thi, trong khi đó tại khoản đầu tiên khoản 1 Mục I Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định phạm vi của chương trình thực hiện bố trí ổn định dân cư đối với hộ gia đình, cá nhân ở “*vùng dân di cư tự do đến đời sống quá khó khăn*”, đề nghị nghiên cứu điểm c khoản 1 Điều 2 và rà soát toàn bộ dự thảo nghị quyết để chỉnh sửa nội dung tương tự nêu trên đảm bảo xác định chính xác đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết.

- Điều 2 chưa quy định đối tượng áp dụng là “*Cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người tái định cư tập trung, xen ghép*” theo điểm đ mục 2 phần I Quyết định số 590/QĐ-TTg, đề nghị bổ sung đầy đủ.

2.4. Điều 3 (Nguyên tắc thực hiện)

- Khoản 1 quy định “*Việc sắp xếp, bố trí ổn định dân cư phải thực hiện theo kế hoạch hoặc phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm. Ưu tiên sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những trường hợp bị thiên tai, có nguy cơ về thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất)*”.

Tuy nhiên, gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 1 mục I Văn bản số 5668/BNN-KTHT quy định “*sắp xếp thứ tự ưu tiên, trước hết là nơi bị thiên tai, có nguy cơ thiên tai... nơi có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh; nơi đặc biệt khó khăn dễ xảy ra di cư tự do*”, vì vậy đề nghị chỉnh sửa quy định nêu trên đảm bảo xác định đầy đủ các trường hợp ưu tiên theo văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Khoản 2 quy định “*Hộ gia đình, cá nhân chỉ có 01 nhà ở duy nhất tại khu vực cần sắp xếp, bố trí dân cư; mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 lần*”. Đề nghị biên tập lại nội dung khoản 2 để bảo đảm dễ hiểu, dễ áp dụng.

- Khoản 4 quy định “*... Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới tại địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép thực hiện theo thứ tự ưu tiên*”. Nội dung trên mới chỉ quy định việc hỗ trợ đối với địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép, chưa đầy đủ, thống nhất với điểm b khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định nội dung “*bố trí ổn định tại chỗ*”.

Ngoài ra, khoản 4 còn chưa quy định rõ ràng, cụ thể các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới tại địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép thực hiện theo thứ tự ưu tiên như thế nào, đề nghị bổ sung đảm bảo quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung theo đúng khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Khoản 5 quy định “*Trong trường hợp có nhiều mức hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án khác nhau từ ngân sách nhà nước về làm nhà và sửa chữa nhà ở, thì hộ gia đình, cá nhân lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất, trừ trường hợp pháp luật quy định khác. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, căn cứ tình hình thực tế, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã có thể hỗ trợ tăng thêm cho các hộ gia đình, cá nhân từ việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác...*”, đề nghị cân nhắc tính hợp lý của quy định “*Ngoài mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này, căn cứ tình hình thực tế, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã có thể hỗ trợ tăng thêm cho các hộ gia đình, cá nhân từ việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác*” tránh việc suy bì, ty nạnh, kiến nghị, khiếu nại khi các địa phương áp dụng mức hỗ trợ tăng thêm khác nhau hoặc có địa phương hỗ trợ thêm, có địa phương không hỗ trợ thêm.v.v...

2.5. Điều 4 (Nguồn kinh phí thực hiện)

Điều 4 quy định kinh phí thực hiện bao gồm:

“1. Nguồn ngân sách địa phương;

2. Nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác”.

Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa cho đầy đủ, phù hợp với khoản 1 Mục V Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg quy định *“1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương) theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn”.*

2.6. Điều 6 (Nội dung, phương thức và mức hỗ trợ)

- Điểm a, b khoản 1 quy định

“1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở các vùng: thiên tai; đặc biệt khó khăn; khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn khi thực hiện di chuyển xen ghép. Mức hỗ trợ 40,0 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân để thi công, mua vật liệu làm nhà tại nơi ở mới.

b) Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất xây dựng khu tái định cư để di chuyển phải bố trí ổn định tại chỗ. Mức hỗ trợ 20,0 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân để thi công, mua vật liệu nâng cấp nhà ở và các vật dụng phòng, chống thiên tai thiết yếu khác”.

Tại điểm a, đề nghị bỏ đoạn *“vực bảo vệ của rừng phòng hộ,”* vì đối tượng áp dụng của Nghị quyết không có hộ gia đình, cá nhân sống trong *“khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ”*; thay thế cụm từ *“đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước”* bằng cụm từ *“đã di cư tự do đến”*; tại điểm a và b quy định thiếu các đối tượng đã được quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như *“hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu...”*, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung đảm bảo đầy đủ, thống nhất với quy định về đối tượng áp dụng tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

- Điểm c khoản 1 quy định *“Hỗ trợ địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép để thực hiện điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất); mức hỗ trợ tối đa 60,0 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân”* còn chưa đầy đủ các nội dung hỗ trợ như *“xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt...”* theo điểm d khoản 2 phần IV Quyết định số 590/QĐ-TTg, đề nghị nghiên cứu bổ sung đầy đủ.

Bên cạnh đó, dự thảo quy định mức hỗ trợ là “**tối đa 60,0 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân**”, đề nghị bỏ từ “**tối đa**” đảm bảo quy định cụ thể mức hỗ trợ.

Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng hỗ trợ đối với địa bàn nơi bố trí dân cư xen ghép để điều chỉnh đất ở là đối với “**hộ gia đình, cá nhân**”, không thống nhất và không đầy đủ đối tượng được hỗ trợ theo điểm đ khoản 2 phần I Quyết định số 590/QĐ-TTg là “**cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận người dân tái định cư tập trung, xen ghép**”, đề nghị bổ sung, chỉnh sửa.

- Điểm a khoản 2 quy định phương thức hỗ trợ “**Nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thực hiện thông qua người đại diện của gia đình là chủ hộ hoặc người đại diện cho hộ gia đình (là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự)**” là chưa chặt chẽ, vì nếu hỗ trợ cho hộ gia đình thì hộ gia đình phải cử đại diện thông qua ủy quyền; hỗ trợ cho cá nhân nhưng cá nhân đó mất năng lực hành vi dân sự, hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người giám hộ (có thể là người thân cứ, trường hợp không cử được người thân hoặc không có người thân thì đại diện tổ chức chính trị- xã hội xã cử giám hộ...), đề nghị chỉnh sửa.

2.7. Phần nơi nhận

Đề nghị sắp xếp địa chỉ nơi nhận theo đúng thứ bậc địa vị pháp lý từ cao xuống thấp; bổ sung địa chỉ nơi nhận “**Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT**”.

2.8. Vấn đề khác

Mục I Văn bản số 5668/BNN-KTHT quy định 03 nội dung bố trí ổn định dân cư gồm (1) đầu tư bố trí ổn định dân cư áp dụng đối với việc bố trí dân cư vào vùng tập trung, (2) bố trí dân cư xen ghép và (3) bố trí ổn định tại chỗ; khoản 2 Mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg, khoản 2 Mục III Văn bản số 5668/BNN-KTHT quy định nhiều nội dung, giải pháp khác thực hiện Chương trình (bố trí đất ở, đất sản xuất, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, phát triển sản xuất, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm, tuyên truyền vận động...), đề nghị cơ quan soạn thảo căn cứ quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng như tình hình thực tế tại địa phương, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách thực hiện đảm bảo đầy đủ, không trùng lẩn, chồng chéo.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.1. Đề nghị viết chính xác người có thẩm quyền ban hành văn bản tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị quyết là “**Bộ trưởng Bộ Xây dựng**”, bỏ từ “**về**” đảm bảo nêu chính xác tên gọi của văn bản được viện dẫn.

3.2. Đề nghị tiếp tục rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản cho phù hợp với quy định tại của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); rà soát lại toàn bộ nội dung của dự thảo văn bản để chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của pháp luật và thống nhất, khả thi.

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Báo cáo thẩm định này; tiếp tục rà soát, để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định cho phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tiễn tại địa phương và bảo đảm tính thống nhất, khả thi.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí ổn định dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NNPTNT;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
N.H.Huong.06b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục